

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ**  
**VIỆT CÁT**

*Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2007*

*[Handwritten signatures and initials]*

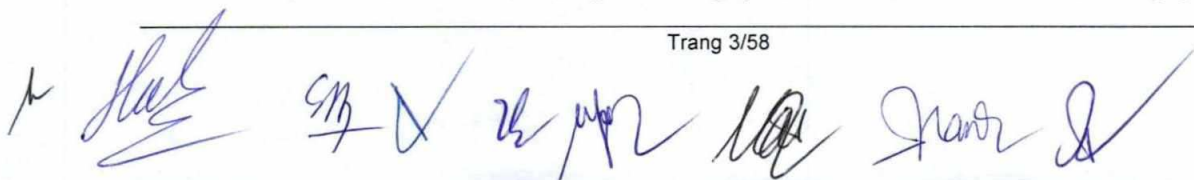
## MỤC LỤC

<b>PDF Compressor Free Version</b>	
<b>CÔNG NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG</b>	<b>5</b>
Điều 1: Định nghĩa.....	5
Điều 2: Tên Công ty.....	6
Điều 3: Hình thức sở hữu và phạm vi trách nhiệm.....	6
Điều 4: Địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng đại diện.....	6
Điều 5: Mục tiêu hoạt động và lĩnh vực kinh doanh.....	7
Điều 6: Thời hạn hoạt động.....	7
Điều 7: Người đại diện theo pháp luật.....	7
<b>CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG</b>	<b>7</b>
Điều 8: Vốn Điều lệ và điều chỉnh tăng giảm Vốn Điều lệ.....	7
Điều 9: Cổ phần của Công ty.....	8
Điều 10: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 11: Mua lại cổ phần.....	10
Điều 12: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	11
Điều 13: Thừa kế cổ phần.....	11
Điều 14: Phát hành trái phiếu.....	11
Điều 15: Cổ phiếu.....	12
Điều 16: Sổ đăng ký cổ đông.....	13
Điều 17: Cổ đông.....	13
Điều 18: Các quy định về việc cử đại diện của cổ đông.....	16
Điều 19: Quyền của cổ đông phổ thông.....	16
Điều 20: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.....	18
Điều 21: Cổ phần ưu đãi biểu quyết và quyền của cổ đông ưu đãi biểu quyết.....	18
Điều 22: Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông ưu đãi cổ tức.....	19
Điều 23: Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông ưu đãi hoàn lại.....	19
Điều 24: Trả cổ tức.....	19
Điều 25: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức.....	20
<b>CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY</b>	<b>20</b>
Điều 26: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty.....	20
Điều 27: Tổng Giám đốc.....	21
Điều 28: Quyền và Nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	21
Điều 29: Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc.....	22
Điều 30: Thù lao, tiền lương và thưởng của người quản lý công ty.....	23
Điều 31: Kiểm soát nội bộ.....	23

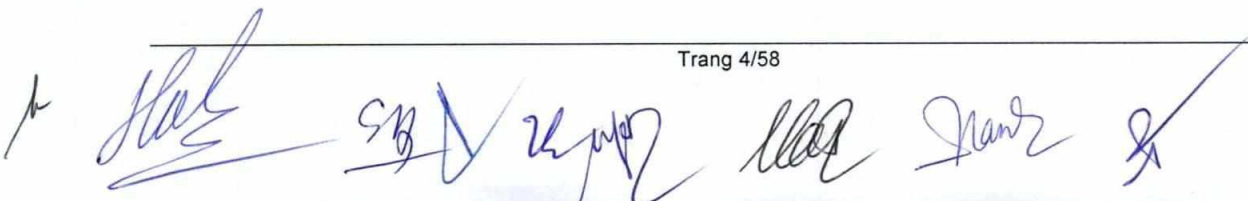




Điều 32: Quy định chung .....	23
Điều 33: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 34: Thẩm quyền và các trường hợp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông .....	24
Điều 35: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông .....	26
Điều 36: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 37: Quyền dự họp và quyền ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 38: Thay đổi chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 39: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 40: Thẻ thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 41: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 42: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	30
Điều 43: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	31
Điều 44: Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 45: Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 46: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 47: Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	36
Điều 48: Thành viên Hội đồng quản trị .....	37
Điều 49: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	37
Điều 50: Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	38
Điều 51: Quyền biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị .....	39
Điều 52: Bên bản họp Hội đồng quản trị.....	39
Điều 53: Các phương thức khác để thông qua quyết định của Hội đồng quản trị .....	40
Điều 54: Hủy bỏ quyết định của Hội đồng quản trị.....	41
Điều 55: Công khai các lợi ích liên quan.....	41
Điều 56: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty.....	41
Điều 57: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận 42	
Điều 58: Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát .....	43
Điều 59: Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.....	43
Điều 60: Thành viên, Trưởng Ban kiểm soát .....	44
Điều 61: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát .....	46
Điều 62: Thù lao và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát .....	46
<b>CHƯƠNG IV TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 47</b>	
Điều 63: Các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty.....	47
Điều 64: Hạn chế đối với hoạt động của công ty và nhân viên làm việc tại Công ty.....	51



CHƯƠNG V TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY	53
<b>PDF Compressor Free Version</b>	53
Điều 66: Kế toán, kiểm toán, thuế.....	54
Điều 67: Phân phối lợi nhuận.....	54
Điều 68: Chế độ công bố thông tin và nghĩa vụ báo cáo.....	55
CHƯƠNG VI GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY	56
Điều 69: Giải thể Công ty.....	56
Điều 70: Phá sản Công ty.....	57
Điều 71: Tổ chức lại công ty.....	57
CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	57
Điều 72: Hiệu lực của Điều lệ.....	57
Điều 73: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	57
Điều 74: Đăng ký Điều lệ và chữ ký.....	57





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
PDF Compressor Free Version

----\*\*\*----

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Quy chế hướng dẫn tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007.

CHƯƠNG I  
NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Định nghĩa

1. Trừ khi các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây :
  - a) **“Công ty”** có nghĩa là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát.
  - b) **“Vốn Điều lệ”** có nghĩa là số vốn do các cổ đông (thành viên) góp hoặc do chủ sở hữu công ty giao cho công ty và được ghi vào Điều lệ Công ty.
  - c) **“Luật Chứng khoán”** có nghĩa là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006
  - d) **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2005.
  - e) **“Ngày thành lập”** có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
  - f) **“Pháp luật”** là tất cả những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được ban hành ngày 12 tháng 11 năm 1996.
  - g) **“Người quản lý Công ty”** có nghĩa là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác.
  - h) **“Những người liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
  - i) **“Việt Nam”** có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
  - j) **“UBCKNN”** được hiểu là ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của của điều khoản hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng đến ý nghĩa của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

## Điều 2: Tên Công ty

1. Tên Công ty bằng tiếng Việt:

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**

2. Tên Công ty bằng tiếng Anh:

**VIETNAM FORTUNE FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY**

3. Tên giao dịch:

Tiếng Việt: **CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**

Tiếng Anh: **VIETNAM FORTUNE CAPITAL**

4. Tên viết tắt: **VFC INC.**

5. Việc thay đổi tên công ty phải được sự chấp thuận của UBCKNN.

## Điều 3: Hình thức sở hữu và phạm vi trách nhiệm

- Công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam với những điều khoản và điều kiện nêu trong Điều lệ này.
- Các cổ đông góp vốn thành lập Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn góp của mình trong Công ty.
- Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, tài khoản riêng, độc lập về tài chính.
- Công ty được thành lập trên cơ sở tự nguyện tham gia góp vốn của các cổ đông.

## Điều 4: Địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng đại diện

1. Trụ sở đăng ký của công ty:

Địa chỉ: Tầng 2, 141 Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84 4 843 8228 Fax:

E-mail: [contact@vietcat.com](mailto:contact@vietcat.com)

Website: [www.vietcat.com](http://www.vietcat.com); [www.vietnamfortune.com](http://www.vietnamfortune.com)

2. Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế, công ty có thể mở chi nhánh, văn phòng đại diện, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện. Việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện; thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, trụ sở chi nhánh hoặc văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của UBCKNN theo các quy định pháp luật.



## Điều 5: Mục tiêu hoạt động và lĩnh vực kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động: Mục tiêu thành lập Công ty là hỗ trợ cho việc phát triển thị trường vốn ở Việt Nam thông qua:
- Huy động vốn và tối đa hóa lợi nhuận hợp pháp cho các nhà đầu tư thông qua các quỹ đầu tư và danh mục đầu tư.
  - Giải quyết nhu cầu về vốn và quản lý tài chính của doanh nghiệp, các dự án đầu tư và các ý tưởng kinh doanh mới, góp phần tạo ra động lực phát triển và tăng trưởng bền vững
  - Đem lại lợi ích cho các cổ đông của Công ty có được từ kết quả của hai mục tiêu trên..
2. Lĩnh vực kinh doanh: Công ty được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh đã ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, bao gồm các hoạt động sau:
- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
  - Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
  - Các hoạt động kinh doanh được phép theo quy định của pháp luật.

## Điều 6: Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của công ty là không có thời hạn kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ khi bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## Điều 7: Người đại diện theo pháp luật

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty có quyền và nghĩa vụ được quy định trong bản Điều lệ này.

## CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

## Điều 8: Vốn Điều lệ và điều chỉnh tăng giảm Vốn Điều lệ

- Vốn Điều lệ của Công ty là **25.000.000.000 đồng** (bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng Việt Nam) do cổ đông Công ty đóng góp bằng tiền.  
Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 2.500.000 (bằng chữ: Hai triệu năm trăm nghìn) cổ phần với mệnh giá là **10.000 đồng/cổ phần** (bằng chữ: Mười ngàn đồng một cổ phần).
- Vốn Điều lệ của công ty có thể tăng hoặc giảm tùy theo nhu cầu kinh doanh, đầu tư và quy mô hoạt động của Công ty phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.
- Công ty có thể tăng, giảm Vốn Điều lệ sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật
- Công ty phải báo cáo UBCKNN trước và sau khi thực hiện việc tăng, giảm vốn điều lệ và đảm bảo việc tăng, giảm vốn điều lệ của công ty đáp ứng được các quy định của pháp luật.




### Điều 9: Cổ phần của Công ty

- PDF Compressor Free Version
1. Cổ phần của Công ty bao gồm cổ phần phổ thông.
  2. Cổ phần phổ thông của các cá nhân và các pháp nhân là cổ đông sáng lập: **25.000.000.000 đồng** (bằng chữ: Hai mươi lăm tỉ đồng) chiếm 100% Vốn Điều lệ, tương ứng với **2.500.000 cổ phần**.
  3. Cổ phần phổ thông của các cá nhân và các pháp nhân không phải cổ đông sáng lập góp: **0 đồng** (bằng chữ: Không đồng) chiếm 0 % Vốn Điều lệ, tương ứng với 0 **cổ phần**.
  4. Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:
    - a) Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
    - b) Cổ phần ưu đãi cổ tức;
    - c) Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
  5. Chỉ cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập, nếu có, chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.
  6. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
  7. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
  8. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

### Điều 10: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

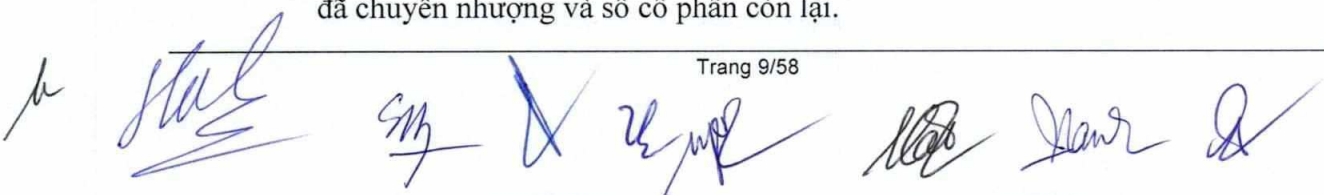
Việc chào bán và chuyển nhượng cổ phần của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Cụ thể như sau:

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
  - a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
  - b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;
  - c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;





2. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty, thì phải thông báo theo quy định sau đây:
- Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
  - Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do công ty phát hành;
  - Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
  - Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.
4. Sau khi cổ phần được bán, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.
5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 17 và khoản 3 Điều 21 Điều lệ này. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.
- Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.





6. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

## PDF Compressor Free Version

### Điều 11: Mua lại cổ phần

Công ty có thể mua cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan phù hợp với thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ lại làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán. Cụ thể như sau:

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:
  - a) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
  - b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty: Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:
  - a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
  - b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được cao hơn giá thị trường;
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.





Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. **PDF Compressor Free Version** chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

#### Điều 12: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

#### Điều 13: Thừa kế cổ phần

Việc thừa kế cổ phần của Công ty được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không được giải tỏa tài sản gắn liền với bất kỳ cổ phần nào của cổ đông đã chết mà người đó nắm giữ khỏi mọi trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

#### Điều 14: Phát hành trái phiếu

1. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm, và khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán. Cụ thể như sau:
2. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.
3. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:
  - a) Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;



- b) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.
- c) Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.
4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

#### Điều 15: Cổ phiếu

- Cổ phiếu của Công ty là bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.
- Bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào có quyền yêu cầu và sẽ được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần với mức phí do Công ty quy định sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng ba mươi (30) ngày (hoặc thời hạn lâu hơn theo quy định của điều khoản phát hành hoặc của Hội đồng quản trị về việc chuyển nhượng). Trong trường hợp người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông không yêu cầu Công ty cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần thì các thông tin về cổ đông, cổ phiếu được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.
- Mọi Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của Công ty phải được đóng dấu Công ty và phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty. Một cổ đông chỉ được cấp một Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần có các nội dung chủ yếu sau:
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty
  - Số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động
  - Số lượng cổ phần và loại cổ phần
  - Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá cổ phần ghi trên mỗi cổ phiếu.
  - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
  - Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.
  - Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.
  - Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
  - Các nội dung khác theo quy định tại Điều 21, 22 và 23 Điều lệ này về cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
- Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi tên trên một Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần thì Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cũ sẽ bị hủy bỏ và một Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp với mức phí do Công ty quy định.



- PDF Compressor Free Version
5. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.
  6. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:
    - a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
    - b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu Chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.
  7. Trường hợp cổ phiếu của công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì hoạt động đăng ký cổ phiếu sẽ chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### Điều 16: Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau :
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty.
  - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
  - d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
  - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

#### Điều 17: Cổ đông

1. Cổ đông của Công ty là pháp nhân hay thể nhân, sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
2. Cổ đông sáng lập Công ty là các cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.



3. Cổ đông sáng lập: cam kết góp **25.000.000.000** đồng (bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng đồng) chiếm 100 % Vốn Điều lệ, tương ứng với 2.500.000 cổ phần.
4. Quyền chuyển nhượng cổ phần phổ thông.
- a) Hội đồng quản trị ban hành các quy định về chuyển nhượng cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.
- b) Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.
- c) Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần nào chưa được thanh toán đầy đủ.
5. Quyền chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập: Cổ đông sáng lập của Công ty không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời hạn 3 năm, kể từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác trong Công ty.
6. Cơ cấu góp vốn của các cổ đông sáng lập:

STT	Cổ đông sáng lập	Số tiền góp vốn	Tỷ lệ góp vốn/ vốn điều lệ
1	<b>Công ty TNHH Nhất Vinh</b> <i>do ông Nguyễn Vinh Sơn là người đại diện phần vốn góp</i> Địa chỉ: Số 2, phố Trần Thánh Tông, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội Giấy ĐKKD số: 071018 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày: 27/01/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 23/5/2005	<b>1.750.000.000 đồng</b> <i>(bằng chữ: một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng)</i>	<b>7%</b> (175.000 cổ phần)
2	<b>Ông Nguyễn Hà Trung</b> Ngày sinh: 29/08/1980 Chỗ ở hiện tại: Tổ 71 Hoàng Văn Thụ- Hoàng Mai- Hà Nội Hộ khẩu thường trú: Tổ 71 Hoàng Văn Thụ- Hoàng Mai- Hà Nội CMTND số: 011923119 do Công an Hà Nội cấp ngày: 2/3/2007	<b>8.000.000.000 đồng</b> <i>(bằng chữ: Tám tỷ đồng)</i>	<b>32%</b> (800.000 cổ phần)
3	<b>Ông Phạm Sĩ Hải</b> Ngày sinh: 17/12/1970 Chỗ ở hiện tại: Số nhà 54, ngách 371/2 Kim Mã - Hà Nội Hộ khẩu thường trú: Số nhà 54, ngách 371/2 Kim Mã - Hà Nội CMTND số: 011353715 do Công an Hà Nội cấp ngày: 25/05/1998	<b>4.500.000.000 đồng</b> <i>(bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng)</i>	<b>18%</b> (450.000 cổ phần)
4	<b>Ông Lê Thành Công</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>12%</b>

*(Handwritten signatures and initials in blue ink)*

PDF Compressor Free Version

STT	Cổ đông sáng lập	Số tiền góp vốn	Tỷ lệ góp vốn/ vốn điều lệ
	Ngày sinh: 19/08/1976 Chỗ ở hiện tại: Phòng 4 – H3 – Ngõ Văn Chương – Hà Nội Hộ khẩu thường trú: Tập thể Nhà máy Thiết bị Bưu điện – 128C Đại La – Hai Bà Trưng - Hà Nội Hộ chiếu số: AV0084985 do Cục QL XNC cấp ngày: 24/11/1999	<b>đồng</b> (bằng chữ: Ba tỷ đồng)	(300.000 cổ phần)
5	<b>Bà Nguyễn Thị Hào</b> Ngày sinh: 15/07/1977 Chỗ ở hiện tại: Tổ 7 Láng Hạ - Đống Đa- Hà Nội Hộ khẩu thường trú: Tổ 7 Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội CMTND số: 011934818 do Công an Hà Nội cấp ngày: 28/09/2006	<b>2.500.000.000 đồng</b> (bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng)	<b>10%</b> (250.000 cổ phần)
6	<b>Bà Lưu Thị Việt Hồng</b> Ngày sinh: 21/3/1972 Chỗ ở hiện tại: Nhà 33 - Ngõ 2 Giảng Võ – Quận Đống Đa – Hà Nội Hộ khẩu thường trú: 11B Tông Đản – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội CMTND số: 011914390 do Công an TP Hà Nội cấp ngày: 14/10/2002	<b>2.250.000.000 đồng</b> (bằng chữ: Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)	<b>9%</b> (225.000 cổ phần)
7	<b>Bà Phạm Thu Trang</b> Ngày sinh: 24/11/1970 Chỗ ở hiện tại: 21 Ngõ Thông Phong - Quốc Tử Giám Đống Đa - Hà Nội Hộ khẩu thường trú: 21 Ngõ Thông Phong - Quốc Tử Giám - Đống Đa- Hà Nội CMTND số: 011667180 do Công an Hà Nội cấp ngày: 24/1/2007	<b>625.000.000 đồng</b> (bằng chữ: Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng)	<b>2,5%</b> (62.500 cổ phần)
8	<b>Bà Nguyễn Thị Hải Yến</b> Ngày sinh: 17/08/1978 Chỗ ở hiện tại: Tổ 19 – Phường Trung Hòa – Quận Cầu Giấy – Hà Nội Hộ khẩu thường trú: Tổ 19 – Phường Trung Hòa – Quận Cầu Giấy – Hà Nội CMTND số: 011881314 do Công an Hà Nội cấp ngày: 03/12/2004	<b>1.750.000.000 đồng</b> (bằng chữ: Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng)	<b>7%</b> (175.000 cổ phần)
9	<b>Bà Nguyễn Hương Lan</b> Ngày sinh: 08/06/1976 Chỗ ở hiện tại: 36 ngõ 105 Thụy Khuê - Tây Hồ Hà Nội Hộ khẩu thường trú: 36 ngõ 105 Thụy Khuê- Tây Hồ Hà Nội CMTND số: 011783482 do Công an Hà Nội cấp ngày: 20/04/2006	<b>625.000.000 đồng</b> (bằng chữ: Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng)	<b>2,5%</b> (62.500 cổ phần)

*(Handwritten signatures and initials in blue ink)*



### Điều 18: Các quy định về việc cử đại diện của cổ đông

1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;
  - Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;
  - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;
  - Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
  - Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
  - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.
2. Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

### Điều 19: Quyền của cổ đông phổ thông

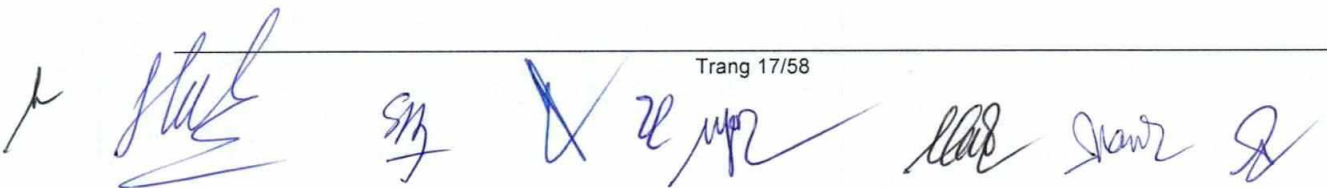
- Cổ đông của Công ty là những tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực pháp luật, sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu;
- Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty có các quyền sau :
  - Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
  - Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
  - Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Doanh nghiệp;
  - Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty thanh toán



hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.

PDF Compressor Free Version

- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Khoản 1 và 2 Điều 90 của Luật Doanh nghiệp;
  - i) Có thể ủy quyền cho người khác đại diện thay mình tham gia các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông;
  - j) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:
- a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có);
  - b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
  - c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
  - d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
  - b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
  - c) Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
5. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập họp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải





thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

PDF Compressor Free Version

- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

## Điều 20: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

Các cổ đông có các nghĩa vụ sau :

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty;
3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
4. Chịu trách nhiệm về số lỗ, nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
5. Bảo vệ lợi ích, tài sản và giữ bí mật nghề nghiệp về các hoạt động của Công ty;
6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a) Vi phạm pháp luật;
  - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo các quy định của pháp luật.

## Điều 21: Cổ phần ưu đãi biểu quyết và quyền của cổ đông ưu đãi biểu quyết

1. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Một cổ phần ưu đãi được hai (02) phiếu biểu quyết.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau đây:
  - a) Biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này;



b) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

PDF Compressor Free Version

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.

#### Điều 22: Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông ưu đãi cổ tức

1. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:
  - a) Nhận cổ tức với mức theo quy định tại khoản 1 Điều này;
  - b) Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty, sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi công ty giải thể hoặc phá sản;
  - c) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

#### Điều 23: Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông ưu đãi hoàn lại

1. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được Công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

#### Điều 24: Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc, chuyển khoản, hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.





PDF Compressor Free Version

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được tiền về tài khoản của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

#### **Điều 25: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 24 Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

### **CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY**

#### **Điều 26: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty**

1. Công ty hoạt động theo mô hình mô hình công ty cổ phần, bao gồm:
  - a) Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Hội đồng quản trị;
  - c) Tổng giám đốc; và
  - d) Ban kiểm soát.
2. Tổ chức hoạt động:
  - a) Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
  - b) Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, bầu Ban kiểm soát để giám sát hoạt động kinh doanh và vốn của Công ty.
  - c) Điều hành hoạt động của Công ty là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.
  - d) Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

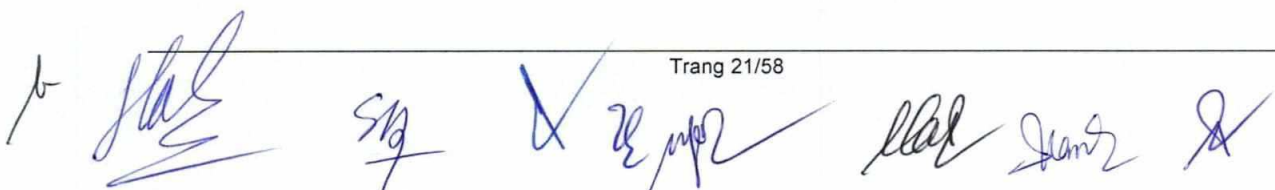


### Điều 27: Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.
2. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba (03) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
4. Bãi nhiệm, từ nhiệm và đương nhiệm mất tư cách:
  - a) Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc với ít nhất một nửa (50%) thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (không kê biểu quyết của Tổng giám đốc trong trường hợp Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.
  - b) Từ nhiệm: Khi Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị trước ba mươi (30) ngày. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.
  - c) Tổng giám đốc đương nhiệm mất tư cách khi xảy ra các trường hợp: chết, mất năng lực hành vi dân sự, mất quyền công dân, tự ý bỏ nhiệm sở, vi phạm Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày.

### Điều 28: Quyền và Nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ trong trường hợp phạm vi quyết định không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị;
3. Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty; các quy chế quản lý Công ty, quy chế tài chính, quy chế lao động tiền lương, quy chế sử dụng lao động theo phê duyệt của Hội đồng quản trị;
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;
5. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh: Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
6. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý trong công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quyết định của Hội đồng quản trị;

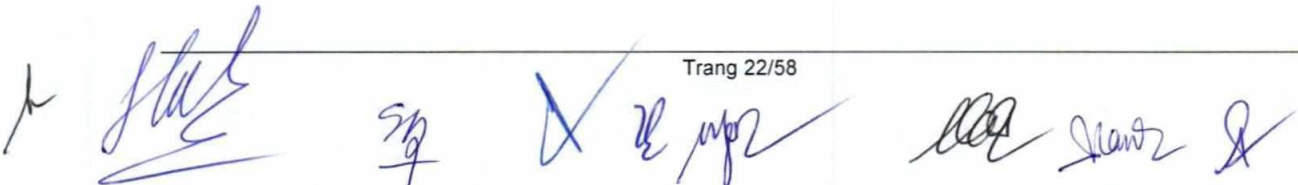


7. Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
8. Tổ chức thực hiện kế hoạch, kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty, bảo toàn và phát triển vốn;
9. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm của Công ty, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến cho từng năm tài chính;
10. Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp mở rộng sản xuất;
11. Tuyển dụng lao động;
12. Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; cung cấp đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu Hội đồng quản trị, chuẩn bị các tài liệu cho các cuộc họp Hội đồng quản trị;
13. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty;
14. Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Hội đồng Quản trị;
15. Vào cuối mỗi năm tài chính, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.
16. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
17. Có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các Phó tổng giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền, ủy nhiệm của mình. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng ủy quyền. Người được Tổng giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và pháp luật về những công việc mình làm;
18. Các quyền và nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị quyết định dựa trên hợp đồng lao động mà Tổng giám đốc ký với Công ty.

#### **Điều 29: Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc**

Tổng giám đốc Công ty phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

1. Đáp ứng được các điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
2. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc các đối tượng cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
3. Là cá nhân sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ của Công ty;
4. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền;
5. Không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của một doanh nghiệp khác; có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt;





**Điều 30: Thù lao, tiền lương và thưởng của người quản lý công ty**

1. Tổ chức bộ máy quản lý: Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ phải do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng của những người quản lý quỹ sẽ do Tổng Giám đốc quyết định, trừ những đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.
3. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương và thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
4. Thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

**Điều 31: Kiểm soát nội bộ**

1. Công ty có bộ phận kiểm soát nội bộ tại trụ sở chính. Nhân viên của bộ phận kiểm soát nội bộ phải đáp ứng được các yêu cầu theo quy định của pháp luật. Nhân viên làm việc tại bộ phận kiểm soát nội bộ có thể kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận khác tại Công ty, ngoại trừ hoạt động quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư cho nhà đầu tư.
2. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát hoạt động của Công ty, đảm bảo hoạt động của Công ty và các cán bộ, nhân viên Công ty tuân thủ pháp luật, các quy trình nghiệp vụ của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm cụ thể của bộ phận kiểm soát nội bộ được quy định tại quy trình kiểm soát nội bộ của Công ty.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Điều 32: Quy định chung**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

**Điều 33: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - b) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty; kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

PDF Compressor Free Version

- c) Quyết định mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó nếu mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - d) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - e) Bầu, bãi miễn, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - f) Tổng tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị;
  - g) Quyết định bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn Điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ Công ty;
  - h) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại sẽ được chào bán;
  - i) Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - k) Xem xét và xử lý vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
  - l) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất;
  - m) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - n) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:
    - a) Các hợp đồng mà cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
    - b) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến cổ đông đó.
  3. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.
  4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.

### **Điều 34: Thẩm quyền và các trường hợp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm.  
Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
  - a) Báo cáo tài chính hằng năm;
  - b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty;



- c) Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- d) Mức cơ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- a) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo Kiểm toán của năm tài chính cho thấy Vốn Điều lệ bị mất một nửa;
- b) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà pháp luật qui định hoặc ít hơn một nửa số thành viên qui định trong Điều lệ;
- c) Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông qui định tại Khoản 3 Điều 19 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan.
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.
3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường.
- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại Điều 34.2 (d) hoặc 34.2 (e) trên đây hoặc ngày phát hiện các trường hợp phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường nêu tại Điều 34.2 (a) hoặc 34.2 (b) hoặc 34.2 (c). Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại đối với Công ty.
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn nêu trên thì trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn triệu tập nêu tại Điều 34.3 (a) trên đây, Ban kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại đối với Công ty.
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn nêu tại Điều 34.3(b) trên đây, thì trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn triệu tập của Ban kiểm soát, cổ đông hoặc một nhóm các cổ đông có yêu cầu tại Điều 34.2 (d) của Điều này có thể triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
- d) Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.
- e) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.



### Điều 35: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

### Điều 36: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

### Điều 37: Quyền dự họp và quyền ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 33 của Điều lệ này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
  - b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;



- c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- d) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.
4. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong Danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

#### **Điều 38: Thay đổi chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 19 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 1 Điều này nếu:
- a) Kiến nghị không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các nghị quyết.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 1 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 100 của Luật Doanh nghiệp.





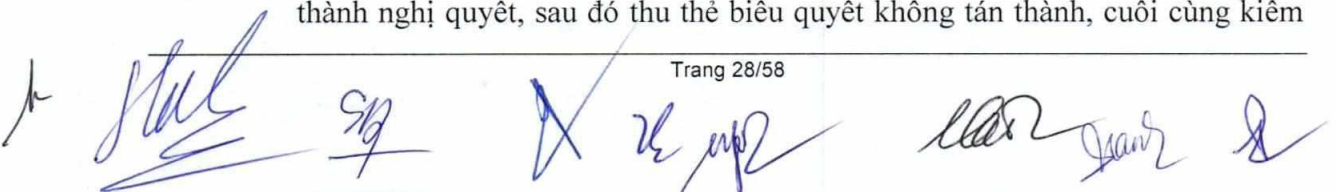
**Điều 39: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

**Điều 40: Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;
2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
  - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - c) Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
  - d) Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
4. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm





phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

### PDF Compressor Free Version

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
  - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
  - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp sau đây:
  - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

### Điều 41: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
  - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d) Chủ tọa và thư ký;
  - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng của từng loại phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các quyết định đã được thông qua;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

#### **Điều 42: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

b) Thông qua định hướng phát triển công ty;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

f) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số



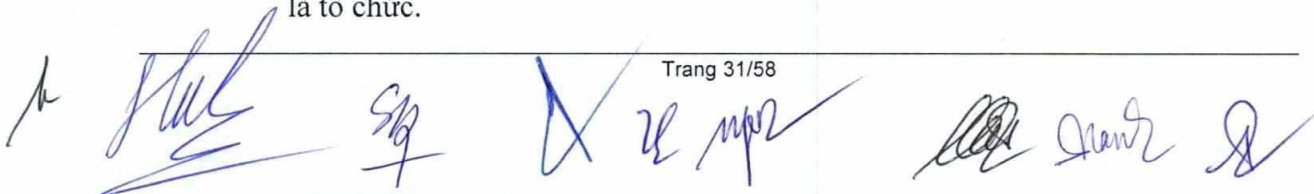
thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Trường hợp pháp luật có quy định khác đi thì Công ty sẽ đương nhiên áp dụng quy định pháp luật có hiệu lực.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

**Điều 43: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.





Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty mà nội dung đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các quyết định đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
- Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông chỉ được thông qua khi được các cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản.

#### **Điều 44: Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty, thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- Trình tự và thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật;
- Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung của nghị quyết vi phạm quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều lệ này.



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### **Điều 45: Thành phần và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Số thành viên của Hội đồng quản trị tối thiểu là ba (03) người và tối đa là mười một (11) người, trong đó có một (01) Chủ tịch, Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ tối đa năm (05) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.
2. Đề cử người vào Hội đồng quản trị: Mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử một (01) ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức, từ nhiệm hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị phải họp để xem xét và quyết định;  
Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ ba (03) người thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung.  
Trong các trường hợp khác Đại hội đồng cổ đông gần nhất sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.  
Ngay khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bãi nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực. Thành viên Hội đồng quản trị được chỉ định để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị vẫn phải trải qua cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo.
4. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
5. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

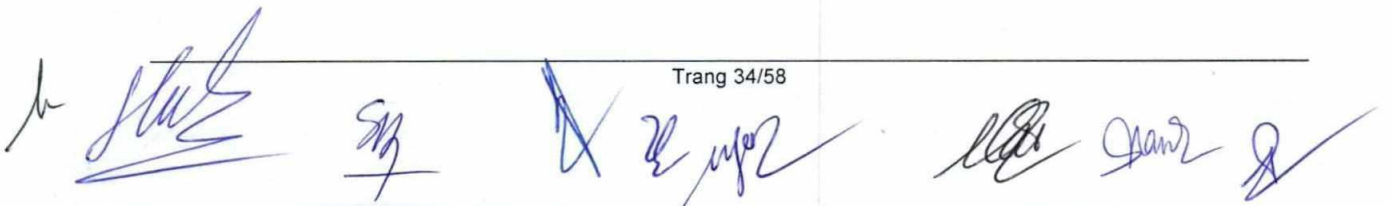
### **Điều 46: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị quản lý, chỉ đạo mọi hoạt động kinh doanh, các hoạt động khác của Công ty. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc và những người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:





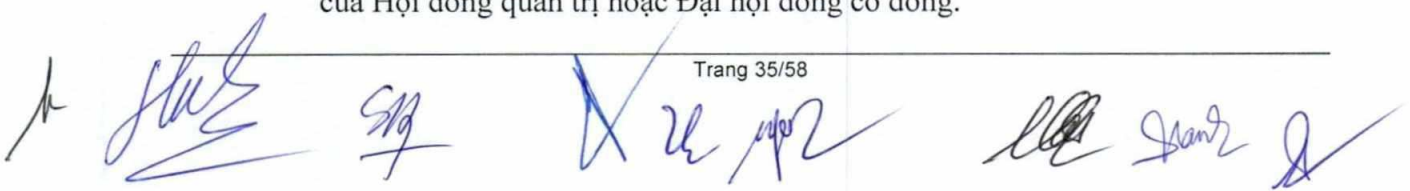
- a) Quyết định kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- b) Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác của Công ty theo quy định của Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm người quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc. Quyết định mức lương và các lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý đó của Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- d) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- e) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyết định việc lập các quỹ, chiến lược danh mục đầu tư của các quỹ, chiến lược danh mục đầu tư của Công ty và giao cho Tổng giám đốc tổ chức thực hiện. Trong các trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền hoặc phân cấp cụ thể cho Tổng giám đốc quyết định;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng hoặc giao dịch quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 57 Điều lệ này;
- h) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác. Quyết định về quy chế tuyển dụng và thôi việc của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Quyết định khen thưởng, kỷ luật nhân viên thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng quản trị và quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty;
- i) Kiến nghị các loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán theo từng loại;
- j) Thực hiện các công việc để phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phần theo một giá xác định trước theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật;
- k) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phần và các chứng khoán chuyển đổi; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;
- l) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- m) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Điều lệ này;





PDF Compressor Free Version

- n) Kiến nghị mức cổ tức hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. Xác định mức cổ tức, tổ chức việc chi trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- p) Đề xuất với Đại hội đồng cổ đông về việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- q) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- r) Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị;
- s) Xem xét việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi tên;
- t) Báo cáo của các Kiểm toán viên;
- u) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp;
4. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những người quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Các thành viên Hội đồng quản trị (không kể các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị và tiền thưởng. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị; nếu không thỏa thuận được thì chia đều.
- Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không), hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị và nằm trong tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị.
6. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.





7. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu
- PDF Compressor Free Version**
8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

#### **Điều 47: Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trừ khi pháp luật không cho phép, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng giám đốc Công ty.  
Việc bầu và bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng thể thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín với đa số phiếu chấp thuận (tính theo số thành viên Hội đồng quản trị)
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều này và theo Luật Doanh nghiệp. Cụ thể, Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ;
  - f) Lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty;
  - g) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quy định, các hợp đồng, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;
  - h) Quyết định cử đi công tác, đào tạo nước ngoài đối với các chức danh do Hội đồng quản trị quản lý theo đề nghị của Tổng giám đốc;
  - i) Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình;
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền sẽ thay mặt thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.





4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo tài chính của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
5. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất kỳ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong số các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 10 ngày để đảm nhiệm công việc cho đến Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

#### **Điều 48: Thành viên Hội đồng quản trị**

- Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;
  - Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người nắm giữ cổ phần phổ thông dưới 5% là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

#### **Điều 49: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

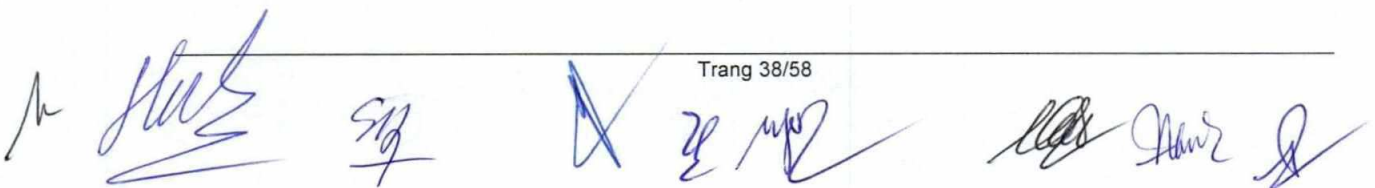
- Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
  - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này;
  - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
  - Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân; hoặc vi phạm Điều lệ Công ty, không còn khả năng đảm nhiệm công việc và theo đề nghị của ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm;
  - Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
- Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.



**Điều 50: Cuộc họp Hội đồng quản trị**

PDF Compressor Free Version

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.
3. Các cuộc họp định kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.  
Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.  
Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
4. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
  - c) Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc
  - d) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 75% tổng số thành viên trở lên dự họp.  
Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.  
Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.





7. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
8. Theo yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
9. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
10. Những người được mời họp dự thính: Theo quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập có thể gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc một số chuyên gia cố vấn. Khi được mời họp, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự họp, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

#### **Điều 51: Quyền biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Trừ quy định tại Khoản 2 dưới đây, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết.
2. Một thành viên Hội đồng sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.
3. Theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

#### **Điều 52: Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - c) Thời gian, địa điểm họp;
  - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;



g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các quyết định đã được thông qua;

i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.
3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyên biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyên đi. Nội dung cơ bản của biên bản họp được quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 53: Các phương thức khác để thông qua quyết định của Hội đồng quản trị**

1. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a) Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b) Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

2. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.



Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp và được công bố bằng văn bản bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

#### **Điều 54: Hủy bỏ quyết định của Hội đồng quản trị**

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục thông qua quyết định không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật;
2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

#### **Điều 55: Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

#### **Điều 56: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:



- a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;
- c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty.

**Điều 57: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận**

Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận bao gồm:

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
- a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- c) Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 55 của Điều lệ này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.



4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Điều lệ này. Hội đồng, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

### BAN KIỂM SOÁT

#### Điều 58: Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát bao gồm những người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty.
2. Ban kiểm soát của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn theo quy định của pháp luật.
3. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, không quá năm năm, và kéo dài thêm bốn mươi lăm (45) ngày để giải quyết các công việc tồn đọng; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu thay thế thành viên thiếu khuyết đó.
5. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### Điều 59: Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này gồm những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Xem xét Sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Điều lệ này.
5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày



PDF Compressor Free Version

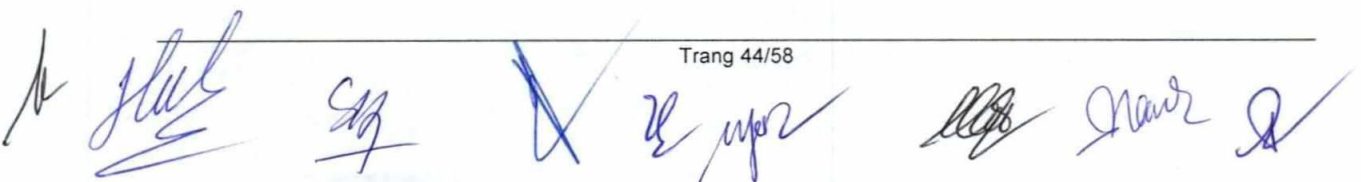
làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề phát hiện ra tới Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 56 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
8. Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
9. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
10. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
11. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
12. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
13. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
14. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo kết luận và ý kiến lên Đại hội đồng cổ đông;
15. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo, thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát;
16. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 60: Thành viên, Trưởng Ban kiểm soát**

Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:





- a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật
- PDF Compressor Free Version**
- b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
2. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

*Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát*

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty.
5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.
6. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của công ty.
7. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

*Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát*

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều này;
  - b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Có đơn xin từ chức;
  - d) Các trường hợp khác do công ty quy định.
2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.



3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét, miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

*Trường Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:*

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát;
2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa và ký các biên bản cuộc họp của Ban kiểm soát;
3. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Công ty.
4. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì Ban kiểm soát có thể chỉ định một thành viên Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ của Trưởng ban

#### **Điều 61: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc;
4. Thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. Ban kiểm soát có trách nhiệm giữ bí mật những thông tin được cung cấp.

#### **Điều 62: Thù lao và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát**

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh




nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

PDF Compressor Free Version

**CHƯƠNG IV**  
**TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ**  
**VÀ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

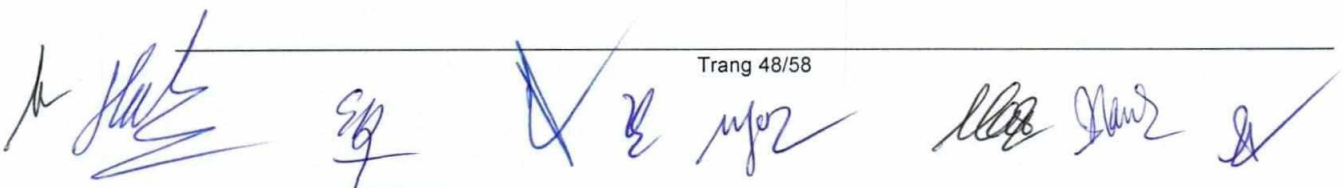
**Điều 63: Các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty**

1. Công ty được thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán sau đây:
  - a) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
  - b) Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
  - c) Cung cấp các dịch vụ được phép khác.
2. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư, cổ đông và nhà đầu tư ủy thác, quy định trong Điều lệ Quỹ, Điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán hoặc Hợp đồng quản lý đầu tư thực hiện quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của tổ chức phát hành mà Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư ủy thác là cổ đông, thực hiện quyền biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên của doanh nghiệp mà Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư ủy thác tham gia góp vốn.
3. Trong trường hợp quản lý Quỹ dạng đóng, danh mục đầu tư hoặc Công ty đầu tư chứng khoán, Công ty được hưởng các khoản phí và thưởng phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ Quỹ, Điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán, Hợp đồng quản lý đầu tư. Trong trường hợp Điều lệ Quỹ, Điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán, Hợp đồng quản lý đầu tư có quy định về mức thưởng cho Công ty trên cơ sở kết quả đầu tư, thì Công ty chỉ được phép hưởng mức thưởng này nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng của Công ty đầu tư chứng khoán, giá trị danh mục ủy thác do Công ty quản lý tăng cao hơn so với một tỷ lệ tham chiếu được nhà đầu tư chấp thuận. Việc xác định mức thưởng và thanh toán phí thưởng cho Công ty khi thực hiện hoạt động quản lý quỹ đại chúng dạng đóng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, được thực hiện theo nguyên tắc sau:
  - a) Mức thưởng được tính trên cơ sở phân lợi nhuận vượt trội so với lợi nhuận của thị trường (tỷ lệ tăng trưởng của các chỉ số thị trường) đã được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán. Mức thưởng phải được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ, Điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán và Bản Cáo bạch và phải được nhà đầu tư chấp thuận;
  - b) Mức thưởng phải được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư tại các năm liên trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Mức điều chỉnh phải được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ, Điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán và Bản Cáo bạch và phải được nhà đầu tư chấp thuận;
  - c) Phí thưởng chỉ được thanh toán sau khi đã thanh toán các khoản phải trả khác. Phí thưởng được xác định dựa trên báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.
4. Tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam, Điều lệ Quỹ, Điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán hoặc Hợp đồng quản lý đầu tư.



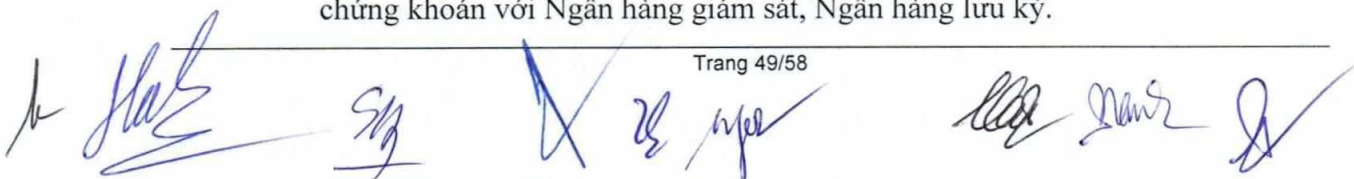


5. Tự nguyện, công bằng, trung thực, vì lợi ích tốt nhất của Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư và nhà đầu tư ủy thác.
6. Ký hợp đồng với Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát trong đó có các điều khoản chi tiết về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong việc quản lý tài sản của Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán và tài sản ủy thác.
7. Ký hợp đồng với nhà đầu tư ủy thác, Công ty đầu tư chứng khoán khi cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư hoặc quản lý tài sản của Công ty đầu tư chứng khoán.
8. Thực hiện việc đầu tư tài sản của Quỹ, của Công ty đầu tư chứng khoán, tài sản ủy thác theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, Điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán và Hợp đồng quản lý đầu tư.
9. Công ty chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán hoặc nhà đầu tư vào Quỹ, vào Công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư ủy thác do nhân viên của Công ty hoặc Công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường phải được nhà đầu tư chấp thuận, kể cả những nhà đầu tư đã từng nắm giữ chứng chỉ quỹ, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư ủy thác đã chấm dứt hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với Công ty.
10. Đảm bảo việc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của từng Quỹ, từng Công ty đầu tư chứng khoán, tài sản của từng nhà đầu tư ủy thác và tài sản của chính Công ty.
11. Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ tài sản giao dịch thống nhất, hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư ủy thác và cho bản thân Công ty. Quy trình này phải được sự chấp thuận của nhà đầu tư ủy thác, Ban đại diện Quỹ, Hội đồng quản trị Công ty đầu tư chứng khoán và Ngân hàng giám sát, Ngân hàng lưu ký. Trong trường hợp Công ty mua hoặc bán cùng một loại tài sản tại cùng một thời điểm cho các Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý và cho bản thân Công ty, việc phân bổ tài sản giao dịch được thực hiện theo trật tự ưu tiên sau:
- Ưu tiên phân bổ tài sản giao dịch cho các Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý. Việc phân bổ tài sản phải đảm bảo sự công bằng và hợp lý về quyền lợi giữa các Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán;
  - Việc phân bổ tài sản cho bản thân Công ty chỉ được thực hiện sau khi đã đáp ứng được quy định tại Điểm a Khoản này.
12. Bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư cho bên thứ ba và sự thay đổi cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của nhà đầu tư vào Quỹ, vào Công ty đầu tư chứng khoán và nhà đầu tư ủy thác. Quan hệ ủy quyền nêu trên phải đảm bảo:
- Bên nhận ủy quyền phải là một tổ chức tài chính được cấp phép đối với hoạt động được ủy quyền;
  - Các thông tin cơ bản về bên nhận ủy quyền phải được cung cấp cho Ban Đại diện Quỹ, Hội đồng quản trị Công ty đầu tư chứng khoán, và các nhà đầu tư ủy thác;





- c) Việc ủy quyền nêu trên phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ, Hội đồng quản trị Công ty đầu tư chứng khoán và nhà đầu tư ủy thác.
- d) Công ty thực hiện việc ủy quyền phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, kèm theo văn bản xác nhận tại Điều c Khoản này.
13. Công ty thực hiện việc ủy quyền theo quy định tại Khoản 12 Điều này có trách nhiệm giám sát và đảm bảo việc thực hiện các hoạt động ủy quyền đó được thực hiện nhanh chóng và phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Quỹ, Điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán và Hợp đồng quản lý đầu tư. Công ty phải chịu mọi trách nhiệm đối với những thiệt hại cho Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán và nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ việc ủy quyền này.
14. Công ty có nghĩa vụ thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng của Công ty đầu tư chứng khoán; giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ, cổ phiếu Công ty đầu tư chứng khoán; giá trị danh mục đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, Điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán, Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng của Công ty đầu tư chứng khoán; định giá chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ hoặc cổ phiếu Công ty đầu tư chứng khoán có thể do Ngân hàng giám sát cung cấp trên cơ sở hợp đồng ký giữa Công ty với Ngân hàng giám sát. Trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ định giá tài sản ròng, Công ty phải giám sát và đảm bảo việc định giá tài sản ròng tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành.
15. Công ty có trách nhiệm lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác Sổ đăng ký nhà đầu tư, Sổ đăng ký cổ đông. Dịch vụ lập, lưu trữ và cập nhật Sổ đăng ký nhà đầu tư, Sổ đăng ký cổ đông có thể do một bộ phận của Ngân hàng giám sát hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp trên cơ sở hợp đồng ký giữa Công ty với Ngân hàng giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Nội dung của Sổ đăng ký nhà đầu tư, Sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán. Trong trường hợp Ngân hàng giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp dịch vụ lập, lưu trữ và cập nhật Sổ đăng ký nhà đầu tư, Sổ đăng ký cổ đông, Công ty phải giám sát và đảm bảo công việc này được thực hiện theo các quy định hiện hành.
16. Công ty phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng giám sát, Ngân hàng lưu ký về quyền biểu quyết và ý kiến biểu quyết mà Ngân hàng giám sát, Ngân hàng lưu ký được Công ty ủy quyền thực hiện thay mặt cho quyền lợi của Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư ủy thác trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của các tổ chức phát hành, doanh nghiệp mà Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư ủy thác là cổ đông, tham gia góp vốn.
17. Công ty có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán, tài sản ủy thác cho Ngân hàng giám sát, Ngân hàng lưu ký để đảm bảo Ngân hàng giám sát, Ngân hàng lưu ký có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư ủy thác theo các quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty có nghĩa vụ thực hiện việc đối chiếu và xác nhận tài sản của từng Quỹ, từng nhà đầu tư ủy thác, từng Công ty đầu tư chứng khoán với Ngân hàng giám sát, Ngân hàng lưu ký.





18. Trong trường hợp Ngân hàng giám sát phát hiện các giao dịch tài sản Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty và đã thông báo cho Công ty thì Công ty phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán nhằm phục hồi vị thế Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán như trước khi có giao dịch trong thời gian sớm nhất. Việc khôi phục vị thế phải được thực hiện trong vòng ba (03) tháng kể từ khi phát sinh giao dịch không phù hợp. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và những tổn thất của Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán (nếu có) do Công ty chịu, không được tính vào chi phí quản lý quỹ.
19. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho người hành nghề quản lý quỹ tại Công ty theo quy định của pháp luật hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của người hành nghề quản lý quỹ trong quá trình tác nghiệp.
20. Xây dựng và ban hành các quy trình nghiệp vụ áp dụng cho từng vị trí làm việc, quy trình kiểm soát nội bộ và bộ đạo đức nghề nghiệp áp dụng cho nhân viên làm việc trong Công ty nhằm ngăn ngừa những xung đột lợi ích tiềm tàng trong nội bộ Công ty, giữa Công ty với các Quỹ, các Công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý và nhà đầu tư ủy thác, giữa các khách hàng của Công ty, cũng như trong giao dịch với người có liên quan. Quy định về việc tuân thủ Bộ đạo đức nghề nghiệp của Công ty sẽ là một điều khoản bắt buộc của Hợp đồng lao động giữa Công ty và người lao động trong Công ty.
21. Hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ cho cán bộ và nhân viên, đảm bảo đội ngũ nhân viên và cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kiến thức về pháp luật được cập nhật và phù hợp với nhiệm vụ công tác. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty cần được gửi kèm trong báo cáo tình hình hoạt động hàng năm gửi cho UBCKNN.
22. Công ty có nghĩa vụ xây dựng, ban hành và báo cáo UBCKNN các chính sách, quy trình quản lý rủi ro phù hợp với quy định của pháp luật nhằm kịp thời phân tích, đánh giá, theo dõi và quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư cho Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán và tài sản ủy thác.
23. Tuân thủ chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, thực hiện nghĩa vụ tài chính và các chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
24. Lưu trữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác và kịp thời mọi lệnh đặt giao dịch hàng ngày của từng Quỹ, từng Công ty đầu tư chứng khoán, lệnh đặt giao dịch hàng ngày cho các danh mục ủy thác và giao dịch hàng ngày của chính Công ty cũng như các giao dịch của nhân viên trong Công ty, thứ tự lệnh đặt và giao dịch được thực hiện. Các chứng từ này bao gồm:
- Các Hợp đồng phân phối;
  - Các Hợp đồng quản lý đầu tư;
  - Chứng từ liên quan tới việc chào bán chứng chỉ quỹ, cổ phiếu Công ty đầu tư chứng khoán;
  - Các tài liệu, chứng từ quy định khác theo quy định của pháp luật.



25. Các chứng từ theo quy định tại Khoản 24 Điều này phải được lưu trữ trong thời gian tối thiểu là mười lăm (15) năm và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
26. Công ty có trách nhiệm đảm bảo việc đầu tư tài sản của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư, hoạt động quản lý quỹ thành viên có nhà đầu tư nước ngoài tham gia, tuân thủ theo các quy định pháp luật về hạn chế tỷ lệ sở hữu, trực tiếp hoặc gián tiếp, tại các doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty phải ghi rõ tại trang bìa của Bản cáo bạch Quỹ và các tài liệu quảng cáo đầu tư nội dung cảnh báo về rủi ro, cụ thể như sau:

*“Quỹ đầu tư..... mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ đầu tư chứng khoán thành lập theo Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản Cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày....tháng.... năm....*

*Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ Quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là việc đăng ký chào bán chứng chỉ Quỹ này đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản Cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.*

*Giá trị chứng chỉ Quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường. Việc đầu tư vào Quỹ này không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư. Nhà đầu tư cần cân nhắc kỹ về các rủi ro và mức độ rủi ro trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ”.*

Việc sử dụng tài sản ủy thác được huy động tại Việt Nam để đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, chứng khoán phát hành bởi các tổ chức phát hành được điều chỉnh bởi luật pháp nước ngoài hoặc chứng khoán phát hành tại nước ngoài phải được Đại hội nhà đầu tư quỹ đại chúng, Đại hội thành viên quỹ thành viên, Đại hội đồng cổ đông Công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư ủy thác đồng ý. Việc đầu tư ra nước ngoài phải tuân thủ theo các quy định pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quy định pháp luật về quản lý ngoại hối và phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

#### **Điều 64: Hạn chế đối với hoạt động của công ty và nhân viên làm việc tại Công ty**

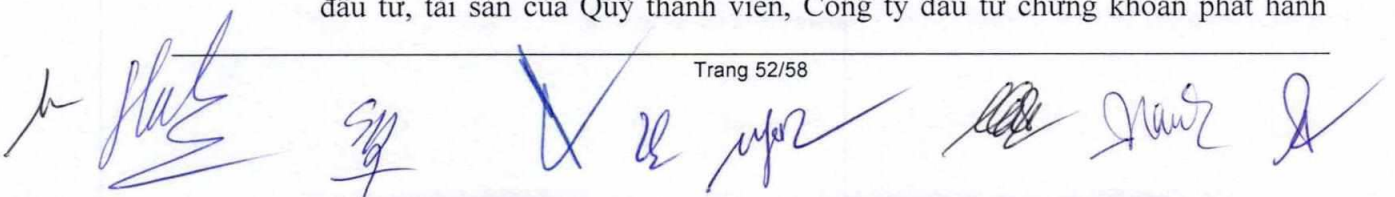
1. Công ty không được huy động và quản lý quỹ thành viên có từ ba mươi một (31) thành viên góp vốn trở lên.
2. Công ty không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu đối với Ngân hàng giám sát, Ngân hàng lưu ký của Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ của Công ty không được đồng thời làm việc cho Ngân hàng giám sát, Ngân hàng lưu ký của Quỹ, của Công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý và ngược lại.
3. Người có liên quan của Công ty, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty chỉ được mua, bán các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà Công ty đang quản lý thông qua hệ thống giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở Giao dịch Chứng



khoán, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và khi Điều lệ Quỹ, Điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán cho phép.

PDF Compressor Free Version

4. Trừ trường hợp các giao dịch mua, bán quy định tại Khoản 3 Điều này, người có liên quan của Công ty, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty không được là đối tác trong các giao dịch khác với quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà Công ty đang quản lý.
5. Công ty, người có liên quan của Công ty, người hành nghề quản lý quỹ không được là đối tác mua hoặc bán trong giao dịch tài sản đầu tư trong danh mục của nhà đầu tư ủy thác Công ty đang quản lý, trừ trường hợp giao dịch này được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán hoặc đã được quy định cụ thể trong Hợp đồng quản lý đầu tư và đã được nhà đầu tư ủy thác chấp thuận cho phép thực hiện trước bằng văn bản.
6. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và các nhân viên của Công ty phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch và phải được quản lý tập trung tại Công ty dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ. Thông tin về các giao dịch nêu trên bao gồm: loại chứng khoán, giá chứng khoán, thời gian giao dịch, phương thức giao dịch, tổng giá trị giao dịch, phải được lưu trữ trong vòng mười lăm (15) năm và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
7. Khi Công ty giao dịch các tài sản của Quỹ, của công ty đầu tư chứng khoán, tài sản ủy thác thì thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ và mọi nhân viên của Công ty không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ, tài sản công ty đầu tư chứng khoán hoặc giao dịch tài sản ủy thác do một tổ chức thứ ba cung cấp ngoại trừ các khoản phí, thưởng đã được nêu rõ trong Điều lệ Quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán hoặc trong Hợp đồng quản lý đầu tư. Quy định này áp dụng đối với tất cả các loại hình quỹ thành viên, quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán.
8. Công ty không được:
  - a) Sử dụng tài sản của Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào chính Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán đó;
  - b) Sử dụng tài sản của Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào các Quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác do mình quản lý;
  - c) Sử dụng tài sản của Quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng để đầu tư vào các Quỹ đầu tư, Công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
  - d) Sử dụng tài sản của Công ty, tài sản ủy thác theo danh mục đầu tư do mình quản lý để đầu tư vào các Quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thành lập theo pháp luật Việt Nam do mình quản lý.
9. Công ty chỉ được sử dụng vốn của Công ty, tài sản ủy thác quản lý danh mục đầu tư, tài sản của Quỹ thành viên, Công ty đầu tư chứng khoán phát hành





PDF Compressor Free Version

riêng lẻ để đầu tư vào các Quỹ thành viên, các Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ khác thành lập theo pháp luật Việt Nam mà Công ty đang quản lý. Công ty được quản lý theo Điều lệ Quỹ, Hợp đồng quản lý đầu tư, Biên bản thỏa thuận góp vốn có quy định cho phép Công ty thực hiện việc đầu tư này với mức phí quản lý phù hợp đã được nhà đầu tư chấp thuận.

10. Công ty không được sử dụng tài sản của Quỹ đại chúng của Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng để góp vốn liên doanh, liên kết hoặc đầu tư vào chính Công ty, đầu tư vào tổ chức kinh tế là người có liên quan của Công ty, tổ chức kinh tế là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc Công ty, người hành nghề quản lý quỹ. Công ty có thể sử dụng vốn của Quỹ thành viên, tài sản của nhà đầu tư ủy thác để thực hiện các hoạt động đầu tư này trong trường hợp Điều lệ Quỹ, Hợp đồng quản lý đầu tư, Biên bản thỏa thuận góp vốn có quy định cho phép Công ty thực hiện việc đầu tư này với mức phí quản lý phù hợp được nhà đầu tư chấp thuận.
11. Công ty không được sử dụng tài sản của Quỹ, của Công ty đầu tư chứng khoán, tài sản ủy thác để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công ty, người có liên quan của Công ty, hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của bản thân Công ty, thanh toán các nghĩa vụ nợ của người có liên quan của Công ty hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của bất kỳ một đối tác nào.
12. Công ty phải kiểm soát và đảm bảo chi phí giao dịch trong các giao dịch tài sản của quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng ở mức hợp lý và không cao hơn mức chi phí giao dịch bình quân trên thị trường.
13. Công ty chỉ được quản lý vốn đầu tư của Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và quản lý quỹ đại chúng khi đáp ứng được các điều kiện sau:
  - a) Có tối thiểu hai (02) người hành nghề quản lý quỹ đã có kinh nghiệm quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và thực hiện quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư có hiệu quả trong thời gian ít nhất hai (02) năm;
  - b) Người hành nghề quản lý quỹ theo quy định tại Điểm a Khoản này không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán trong quá trình thực hiện quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư.
14. Công ty quản lý phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý quỹ đại chúng quy định tại Điều 92 Luật Chứng khoán.

## CHƯƠNG V TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

### Điều 65: Năm tài chính

1. Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;
2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày 31/12 của năm đó.



**Điều 66: Kế toán, kiểm toán, thuế**

1. Công ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê và thực hiện các nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và các quỹ do Công ty quản lý phải được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận trước khi trình Đại hội đồng cổ đông và Đại hội nhà đầu tư/Đại hội thành viên quỹ đầu tư chứng khoán hoặc Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán xem xét và thông qua.

**Điều 67: Phân phối lợi nhuận**

1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty cuối năm tài chính được sử dụng để trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành..  
Tỷ lệ trích lập các quỹ không được quy định bởi pháp luật hiện hành sẽ Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông cho các thành viên khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.
3. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng thời hạn sáu (06) tháng nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
5. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
6. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới cổ phần.
7. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
8. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ



đồng đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán Trung tâm lưu ký.

PDF Compressor Free Version

9. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.
10. Hội đồng quản trị phải lập Danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
11. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt Danh sách cổ đông của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm chốt Danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
12. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 11 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

#### **Điều 68: Chế độ công bố thông tin và nghĩa vụ báo cáo**

1. Công ty có nghĩa vụ thực hiện chế độ công bố thông tin và báo cáo về hoạt động của Công ty và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Công ty phải đảm bảo có đủ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính, chi nhánh và tại các văn phòng đại diện, văn phòng các đại lý



phân phối của mình cũng như tại trang thông tin điện tử (website) của Công ty để nhà đầu tư tham khảo:

PDF Compressor Free Version

- a) Điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, Bản cáo bạch;
  - b) Báo cáo tháng gần nhất và báo cáo năm của Quỹ trong năm (05) năm gần nhất;
  - c) Bản đánh giá tổng giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật;
  - d) Các tài liệu, báo cáo, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch;
  - e) Đối với nhà đầu tư ủy thác: Hợp đồng quản lý đầu tư với các thông tin cần thiết phải có trong hợp đồng.
3. Thông tin quy định tại Khoản 2 Điều này được cung cấp miễn phí trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

## CHƯƠNG VI GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

### Điều 69: Giải thể Công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:
  - a) Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn hoạt động;
  - b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Công ty bị sáp nhập hoặc hợp nhất với công ty quản lý quỹ khác
  - d) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Trình tự giải thể Công ty: Việc giải thể Công ty được thực hiện theo quy định sau:
  - a) Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp;
  - b) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến UBCKNN, các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty. Quyết định này sẽ được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty. Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ;
  - c) Việc giải thể phải được UBCKNN đồng ý trước bằng văn bản;
  - d) Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của Công ty;
  - e) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty, tổ thanh lý tài sản phải gửi hồ sơ giải thể đến UBCKNN.
  - f) Trong trường Công ty bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, Công ty phải giải thể phải giải thể ngay sau khi bị thu hồi giấy phép.



**Điều 70: Phá sản Công ty**

Việc phá sản Công ty được tiến hành theo các quy định của pháp luật.

**Điều 71: Tổ chức lại công ty**

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty do Đại hội cổ đông quyết định và thực hiện theo quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG VII  
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 72: Hiệu lực của Điều lệ**

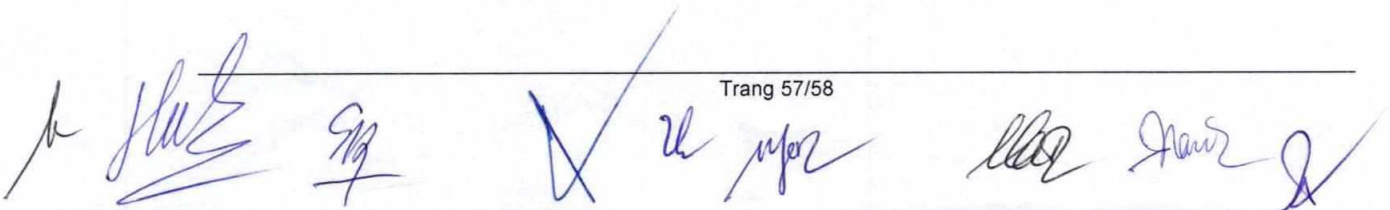
Điều lệ này có hiệu lực kể từ khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

**Điều 73: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

Các điều khoản này có thể được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo UBCKNN.

**Điều 74: Đăng ký Điều lệ và chữ ký**

Bản Điều lệ này gồm 07 chương, 74 điều, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.





VỚI SỰ CHỨNG KIẾN, các cổ đông sáng lập của Công ty đã nhất trí và ký thông qua toàn văn Điều lệ vào ngày, tháng, năm được ghi ở phần đầu của Điều lệ này.

PDF Compressor Free Version

<p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Nguyễn Vinh Sơn</b> Đại diện cho phần vốn góp của Công ty TNHH Nhất Vinh</p>	<p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Nguyễn Hà Trung</b></p>
<p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Phạm Sĩ Hải</b></p>	<p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Lê Thành Công</b></p>
<p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Nguyễn Thị Hảo</b></p>	<p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Lưu Thị Việt Hồng</b></p>
<p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Phạm Thu Trang</b></p>	<p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Nguyễn Thị Hải Yến</b></p>
<p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Nguyễn Hương Lan</b></p>	



# CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 2 – 141 Lê Duẩn – Hai Bà Trưng – Hà Nội

T: 04 941 0715

F: 04 941 0716



PDF Compressor Free Version

## SỔ THEO DÕI CHI TIẾT NGUỒN VỐN KINH DOANH (TK 411)

Năm 2008

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh						Số dư			
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ (giảm)			Có (tăng)			Vốn góp	Thặng dư vốn	Vốn khác	
				Vốn góp	Thặng dư vốn	Vốn khác	Vốn góp	Thặng dư vốn	Vốn khác				
		<b>Số dư đầu kỳ</b>									<b>0</b>		
JV/2008/01	25/01/2008	Ghi nhận vốn góp thành lập công ty từ TK phong tỏa BIDV HT	11210000				8,000,000,000				8,000,000,000		
JV/2008/01	25/01/2008	Ghi nhận vốn góp thành lập công ty từ TK phong tỏa BIDV HT	11210000				4,500,000,000				12,500,000,000		
JV/2008/01	25/01/2008	Ghi nhận vốn góp thành lập công ty từ TK phong tỏa BIDV HT	11210000				3,000,000,000				15,500,000,000		
JV/2008/01	25/01/2008	Ghi nhận vốn góp thành lập công ty từ TK phong tỏa BIDV HT	11210000				2,500,000,000				18,000,000,000		
JV/2008/01	25/01/2008	Ghi nhận vốn góp thành lập công ty từ TK phong tỏa BIDV HT	11210000				2,250,000,000				20,250,000,000		
JV/2008/01	25/01/2008	Ghi nhận vốn góp thành lập công ty từ TK phong tỏa BIDV HT	11210000				1,750,000,000				22,000,000,000		
JV/2008/01	25/01/2008	Ghi nhận vốn góp thành lập công ty từ TK phong tỏa BIDV HT	11210000				1,750,000,000				23,750,000,000		
JV/2008/01	25/01/2008	Ghi nhận vốn góp thành lập công ty từ TK phong tỏa BIDV HT	11210000				625,000,000				24,375,000,000		
JV/2008/01	25/01/2008	Ghi nhận vốn góp thành lập công ty từ TK phong tỏa BIDV HT	11210000				625,000,000				25,000,000,000		
JV/2008/02	29/04/2008	Chuyển nhượng 6% cổ phần của Nhất Vinh cho Nguyễn Hà Trung	41110000	1,500,000,000			1,500,000,000				25,000,000,000		
JV/2008/03	29/04/2008	Chuyển nhượng 1% CP Ng Hải Yến cho Nguyễn Hà Trung	41110000	250,000,000			250,000,000				25,000,000,000		
JV/2008/04	29/04/2008	Chuyển nhượng 2% CP Ng Hải Yến cho Phạm Sĩ Hải	41110000	500,000,000			500,000,000				25,000,000,000		
		<b>Số dư cuối kỳ</b>									<b>25,000,000,000</b>		

Người ghi sổ

Ngày 13 tháng 1 năm 2009

Kế toán trưởng



## PHỤ LỤC 1

### Sửa đổi, bổ sung lần 1: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (Điều Lệ)

**Điều 1:** Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Điều Lệ. Ngoại trừ những Điều, Khoản, Điểm của Điều Lệ được thay thế, sửa đổi và bổ sung được quy định trong Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Điều 6 dưới đây, những Điều, Khoản, Điểm khác của Điều Lệ có một phần hay toàn bộ nội dung mâu thuẫn với Phụ lục 1 được thay thế tương ứng bằng các nội dung trong Phụ lục 1; các Điều, Khoản, Điểm của Điều Lệ có nội dung không mâu thuẫn được giữ nguyên.

**Điều 2:** Bổ sung vào Điều 1, Khoản 1 của Điều Lệ các Điểm k, l, m, n với các định nghĩa có nội dung dưới đây:

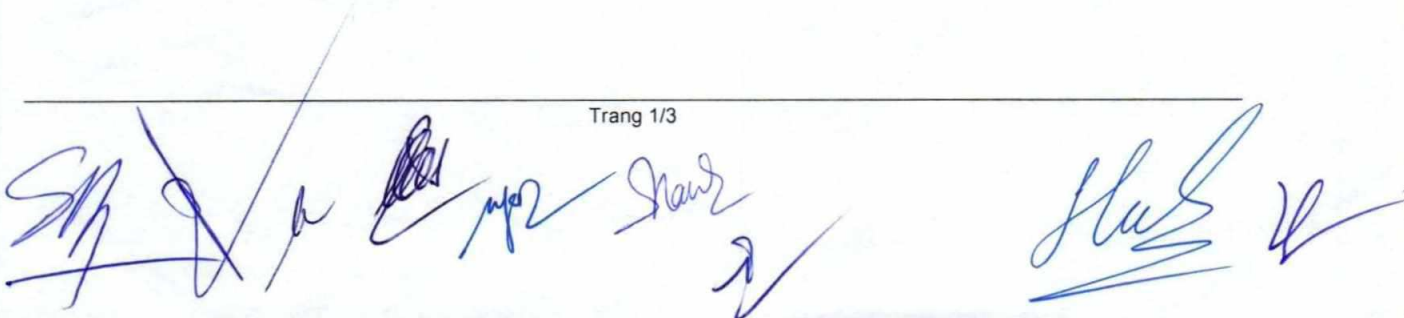
- k) **“Nhà đầu tư/quản lý đầu tư ủy thác”:** Là tổ chức, cá nhân hoặc đại diện hợp pháp có thẩm quyền hoặc được ủy quyền ra quyết định đầu tư cho quỹ đầu tư và/hoặc danh mục đầu tư do Công ty quản lý.
- l) **“Nguồn vốn ủy thác”:** Là nguồn vốn do Công ty quản lý dưới hình thức Quỹ đầu tư hoặc Danh mục đầu tư.
- m) **“Tài sản ủy thác”:** Là tài sản hình thành từ Nguồn vốn ủy thác.
- n) **“Tài sản của Công ty”:** Là tài sản hình thành từ nguồn vốn của Công ty và không bao gồm Tài sản ủy thác.

**Điều 3:** Bổ sung thêm Khoản 19 vào Điều 28 về Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc với nội dung sau:

- 19. Tổng giám đốc có quyền quyết định đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp, bán hoặc thực hiện những giao dịch khác liên quan đến số Tài sản ủy thác theo yêu cầu của Nhà đầu tư/quản lý đầu tư ủy thác. Tổng giám đốc có quyền cử người đại diện cho khoản đầu tư, góp vốn này.

**Điều 4:** Thay thế toàn bộ nội dung trong Điểm l. Khoản 1. Điều 33 (Điều 33.1.l) về Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông bằng nội dung sau:

- l) Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định đầu tư, bán hoặc có những giao dịch liên quan đến Tài sản của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị Tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất.





PDF Compressor Free Version

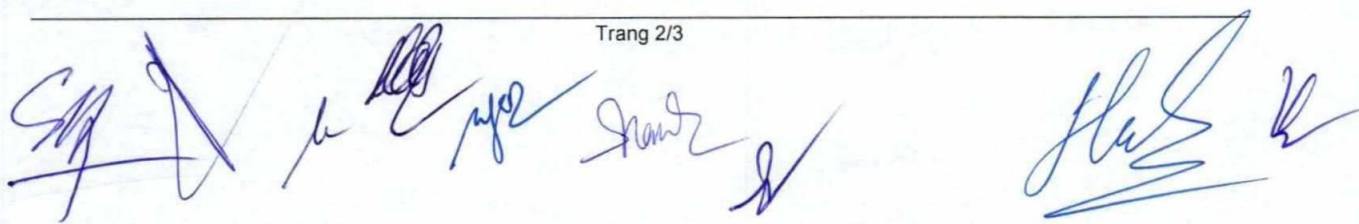
**Điều 5:** Thay thế toàn bộ nội dung của Điều g. Khoản 3. Điều 46 về Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị bằng các nội dung sau:

g) Hội đồng quản trị có quyền quyết định đầu tư, bán hoặc có những giao dịch liên quan và/hoặc quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị Tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng hoặc giao dịch quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 57 của Điều Lệ;

**Điều 6:** Thay thế toàn bộ nội dung của Điều 57 về Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận bằng các nội dung sau:

Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận bao gồm:










1. Ngoại trừ các hợp đồng, giao dịch liên quan tới Tài sản ủy thác, hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây của Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
  - a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
  - c) Doanh nghiệp quy định tại Điều a. và Điều b Khoản 1 Điều 55 của Điều Lệ và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 6, Khoản 1 của Phụ lục này có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị Tài sản của Công ty dựa trên báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác quy định tại Điều 6.1. của Phụ lục này trừ trường hợp quy định tại Điều 6.2. của Phụ lục này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.





PDF Compressor Free Version

VỚI SỰ CHỨNG KIẾN, các cổ đông sáng lập của Công ty đã nhất trí và ký thông qua Phụ lục 1 của Điều Lệ vào ngày \_\_\_ tháng \_\_\_, năm \_\_\_ và Phụ lục này là một bộ phận không tách rời của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần quản lý Quỹ Việt Cát đã được các cổ đông sáng lập thông qua vào ngày 16 tháng 05 năm 2007.

 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: Nguyễn Vinh Sơn Đại diện cho phần vốn góp của Công ty TNHH Nhất Vinh</p>	 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: Nguyễn Hà Trung</p>
 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: Phạm Sĩ Hải</p>	 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: Lê Thành Công</p>
 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: Nguyễn Thị Hảo</p>	 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: Lưu Thị Việt Hồng</p>
 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: Phạm Thu Trang</p>	 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: Nguyễn Thị Hải Yến</p>
 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: Nguyễn Hương Lan</p>	



## PHỤ LỤC 1

### Sửa đổi, bổ sung lần 1: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (Điều Lệ)

**Điều 1:** Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Điều Lệ. Ngoại trừ những Điều, Khoản, Điểm của Điều Lệ được thay thế, sửa đổi và bổ sung được quy định trong Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Điều 6 dưới đây, những Điều, Khoản, Điểm khác của Điều Lệ có một phần hay toàn bộ nội dung mâu thuẫn với Phụ lục 1 được thay thế tương ứng bằng các nội dung trong Phụ lục 1; các Điều, Khoản, Điểm của Điều Lệ có nội dung không mâu thuẫn được giữ nguyên.

**Điều 2:** Bổ sung vào Điều 1, Khoản 1 của Điều Lệ các Điểm k, l, m, n với các định nghĩa có nội dung dưới đây:

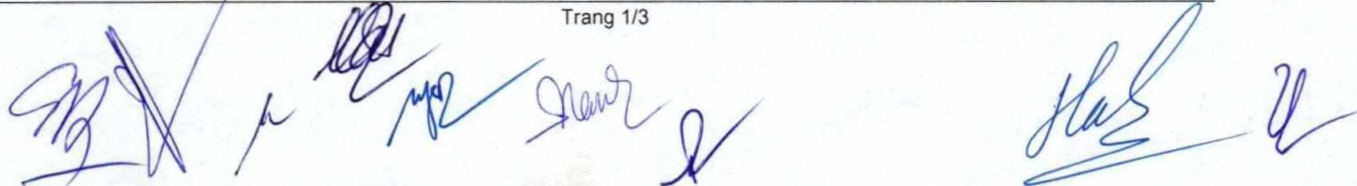
- k) **“Nhà đầu tư/quản lý đầu tư ủy thác”:** Là tổ chức, cá nhân hoặc đại diện hợp pháp có thẩm quyền hoặc được ủy quyền ra quyết định đầu tư cho quỹ đầu tư và/hoặc danh mục đầu tư do Công ty quản lý.
- l) **“Nguồn vốn ủy thác”:** Là nguồn vốn do Công ty quản lý dưới hình thức Quỹ đầu tư hoặc Danh mục đầu tư.
- m) **“Tài sản ủy thác”:** Là tài sản hình thành từ Nguồn vốn ủy thác.
- n) **“Tài sản của Công ty”:** Là tài sản hình thành từ nguồn vốn của Công ty và không bao gồm Tài sản ủy thác.

**Điều 3:** Bổ sung thêm Khoản 19 vào Điều 28 về Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc với nội dung sau:

- 19. Tổng giám đốc có quyền quyết định đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp, bán hoặc thực hiện những giao dịch khác liên quan đến số Tài sản ủy thác theo yêu cầu của Nhà đầu tư/quản lý đầu tư ủy thác. Tổng giám đốc có quyền cử người đại diện cho khoản đầu tư, góp vốn này.

**Điều 4:** Thay thế toàn bộ nội dung trong Điểm l. Khoản 1. Điều 33 (Điều 33.1.l) về Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông bằng nội dung sau:

- l) Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định đầu tư, bán hoặc có những giao dịch liên quan đến Tài sản của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị Tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất.





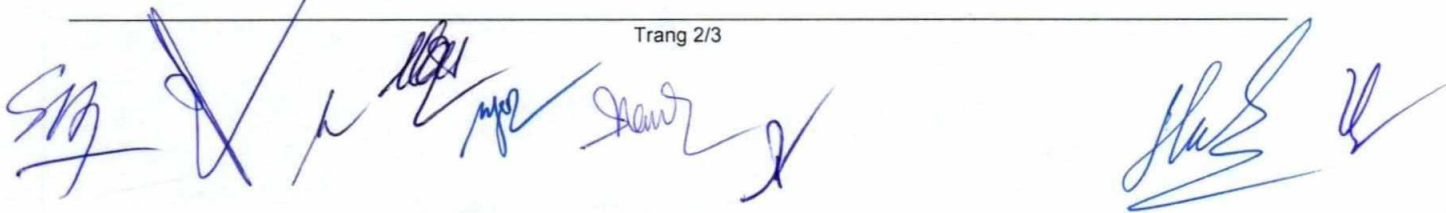
**Điều 5:** Thay thế toàn bộ nội dung của Điểm g. Khoản 3. Điều 46 về Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị bằng các nội dung sau:

- g) Hội đồng quản trị có quyền quyết định đầu tư, bán hoặc có những giao dịch liên quan và/hoặc quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị Tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng hoặc giao dịch quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 57 của Điều Lệ;

**Điều 6:** Thay thế toàn bộ nội dung của Điều 57 về Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận bằng các nội dung sau:

Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận bao gồm:








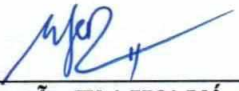

1. Ngoại trừ các hợp đồng, giao dịch liên quan tới Tài sản ủy thác, hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây của Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
  - a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
  - c) Doanh nghiệp quy định tại Điểm a. và Điểm b Khoản 1 Điều 55 của Điều Lệ và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 6, Khoản 1 của Phụ lục này có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị Tài sản của Công ty dựa trên báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác quy định tại Điều 6.1. của Phụ lục này trừ trường hợp quy định tại Điều 6.2. của Phụ lục này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.





PDF Compressor Free Version

VỚI SỰ CHỨNG KIẾN, các cổ đông sáng lập của Công ty đã nhất trí và ký thông qua Phụ lục 1 của Điều Lệ vào ngày \_\_\_ tháng \_\_, năm \_\_\_ và Phụ lục này là một bộ phận không tách rời của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần quản lý Quỹ Việt Cát đã được các cổ đông sáng lập thông qua vào ngày 16 tháng 05 năm 2007.

 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Nguyễn Vinh Sơn</b> Đại diện cho phần vốn góp của Công ty TNHH Nhất Vinh</p>	 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Nguyễn Hà Trung</b></p>
 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Phạm Sĩ Hải</b></p>	 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Lê Thành Công</b></p>
 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Nguyễn Thị Hảo</b></p>	 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Lưu Thị Việt Hồng</b></p>
 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Phạm Thu Trang</b></p>	 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Nguyễn Thị Hải Yến</b></p>
 <p>Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Nguyễn Hương Lan</b></p>	



**PHỤ LỤC 2**




**Sửa đổi, bổ sung Điều 2: Điều lệ tổ chức và hoạt động  
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (Điều Lệ)**

**Điều 1:** Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Điều Lệ và Phụ Lục 1. Ngoại trừ những Điều, Khoản, Điểm của Điều Lệ được thay thế, sửa đổi và bổ sung được quy định trong Điều 2 dưới đây, những Điều, Khoản, Điểm khác của Điều Lệ và Phụ lục 1 có một phần hay toàn bộ nội dung mâu thuẫn với Phụ lục 2 được thay thế tương ứng bằng các nội dung trong Phụ lục 2; các Điều, Khoản, Điểm của Điều Lệ và Phụ lục 1 có nội dung không mâu thuẫn được giữ nguyên.

**Điều 2:** Thay thế toàn bộ nội dung Điều 7 về Người đại diện theo pháp luật của Công ty bằng nội dung sau:

Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty có quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này.

*VỚI SỰ CHỨNG KIẾN, các cổ đông của Công ty đã nhất trí và ký thông qua Phụ lục 2 của Điều Lệ vào ngày 13 tháng 10, năm 2014 và Phụ lục này là một bộ phận không tách rời của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần quản lý Quỹ Việt Cát và Phụ lục 1 đã được các cổ đông sáng lập thông qua.*

 Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Nguyễn Anh Vũ</b>	 Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Nguyễn Thanh Hương</b>
 Ký bởi: _____ Họ và tên: <b>Hồ Thị Thùy Giang</b>	



**PHỤ LỤC 3**  
**Sửa đổi, bổ sung lần 3: Điều lệ tổ chức và hoạt động**  
**Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (Điều Lệ)**

**Điều 1:** Sửa đổi khoản 1 Điều 4 của Điều lệ như sau:

1. Trụ sở đăng ký của Công ty:  
Địa chỉ: Tầng 12- Ruby Plaza- 44 Lê Ngọc Hân- Hai Bà Trưng- Hà Nội  
Điện thoại: 04.39410715 Fax:  
Email: [contact@vietcat.com](mailto:contact@vietcat.com)  
Website: [www.vietcat.com](http://www.vietcat.com)

**Điều 2:** Sửa đổi khoản 2 Điều 5 của Điều lệ như sau:

“2. Lĩnh vực kinh doanh: Công ty được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh đã ghi trong giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp, bao gồm các hoạt động sau:

- a. Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán
- b. Quản lý Danh mục đầu tư chứng khoán
- c. Tư vấn đầu tư chứng khoán
- d. Các hoạt động kinh doanh được phép theo quy định của pháp luật”

**Điều 3:** : Phụ lục 3 này là một phần không thể tách rời của Điều Lệ. Những nội dung khác của Điều Lệ không bị sửa đổi, bổ sung theo Phụ lục này hoặc không trái với Phụ lục 3 này vẫn giữ nguyên hiệu lực.



*Nguyễn Khánh Hương*